

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9/2023

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

2. Ông Nguyễn Thành Nhận

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 341/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03/7/2023 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Tú T, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Tú T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Tấn T1 chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2008, tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 13/01/2012 và cháu Nguyễn Chí N1, sinh ngày 15/10/2008. Trong thời gian chung sống vợ chồng, Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa chị T và anh T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là sức

khỏe chị **T** kém, nên về sinh hoạt vợ chồng không được, anh **T1** thì thường xuyên ghen tuông nên đánh chị **T**. Có lần anh **T1** còn bóp cổ tôi nếu người nhà không hay thì chị **T** đã chết. Anh **T1** không đồng cảm với chị **T** mà thương xuyên cự cãi, cuộc sống ngày càng bế tắc nên chị **T** xin tòa án cho tôi được ly hôn với anh **T1**. Về con chung khi ly hôn chị **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh tài cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị **Nguyễn Tấn T1** dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên toà xét xử, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của anh **T1**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị **T** được ly hôn với anh **T1**. Về con chung giao cháu **Nguyễn Chí N**, sinh ngày 13/01/2012 và cháu **Nguyễn Chí N1**, sinh ngày 15/10/2008 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Anh **T1** không phải chấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung do chị **T** xác định chị và anh **T1** tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị **T** và anh **T1** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2008, tại Ủy ban nhân dân thị xã

T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 và giải quyết về con chung đây thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”, anh T1 hiện đang cư trú tại ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Chị T xác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng thì giữa chị và anh T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là sức khỏe chị T kém, nên về sinh hoạt vợ chồng không được, anh T1 thì thường xuyên ghen tuông nên đánh chị T. Có lần anh T1 còn bóp cổ tôi nếu người nhà không hay thì chị T đã chết. Anh T1 không đồng cảm với chị T mà thương xuyên cự cãi. Mặc dù anh chị sống cùng nhà nhưng cuộc sống ngày càng bế tắc, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị T xin tòa án cho tôi được ly hôn với anh T1.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để chị T và anh T1 đoàn tụ nhưng chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn anh T1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể ghi nhận ý kiến của anh T1. Xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng chị T cương quyết xin ly hôn, còn anh T1 thì không tham gia hòa giải, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị T và anh T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 13/01/2012 và cháu Nguyễn Chí N1, sinh ngày 15/10/2008; khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ biên bản ghi nhận ý kiến của cháu tở nguyện vọng hai cháu xác định khi cha mẹ ly

hôn hai cháu muốn sống với mẹ vì từ trước đến nay cháu sống với mẹ, mẹ cháu có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Đơn xin xác nhận ngày 06/7/2023 Trưởng ấp T, xã T xác định hiện tại hai cháu sống với chị T và được chị T chăm sóc tốt, đi học đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao cháu N và cháu N1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định về tài sản chung và nợ chung chị và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tú T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T1

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 13/01/2012 và cháu Nguyễn Chí N1, sinh ngày 15/10/2008 cho chị Nguyễn Tú T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu N và cháu N1 hiện đang sống cùng chị T nên được giữ nguyên.

2.2 Anh Nguyễn Tấn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.3 Anh Nguyễn Tấn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T2 không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị **Nguyễn Tú T** có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị **Nguyễn Tú T** đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0014844, ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy